

**KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
20 NĂM ĐỔI MỚI
TẬP 2
CHĂN NUÔI - THÚ Y**

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

**KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN 20 NĂM ĐỔI MỚI**

TẬP 2
Chăn nuôi - Thú y

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HÀ NỘI - 2005

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

- | | |
|------------------------------|----------|
| 1. PGS. TS. Bùi Bá Bổng | Chủ tịch |
| 2. PGS. TS. Nguyễn Văn Bộ | Ủy viên |
| 3. PGS. TS. Nguyễn Đăng Vang | Ủy viên |

BAN BIÊN SOẠN

- | | |
|------------------------------|------------|
| 1. PGS. TS. Nguyễn Đăng Vang | Trưởng ban |
| 2. TS. Trương Văn Dung | Ủy viên |
| 3. ThS. Nguyễn Việt Hải | Ủy viên |
| 4. PGS. TS. Lã Văn Kính | Ủy viên |
| 5. PGS. TS. Lê Văn Tạo | Ủy viên |
| 6. PGS. TS. Hoàng Văn Tiệu | Ủy viên |
| 7. TS. Nguyễn Hữu Tào | Ủy viên |

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 1986) đã đề ra những quan điểm, chủ trương, giải pháp lớn thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước ta. Trong lĩnh vực kinh tế, quá trình đổi mới trong nông nghiệp Việt Nam diễn ra tương đối sớm. Dựa trên cơ sở nghiên cứu, tổng kết sáng kiến của nhiều địa phương, ngày 13-1-1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị 100-CT/TW về công tác khoán trong nông nghiệp. Tiếp đó, tháng 4-1988, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết 10 về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp. Hơn 20 năm qua, nông nghiệp nước ta đã có bước phát triển mạnh mẽ, tốc độ tăng trưởng cao, có sự chuyển dịch cơ cấu ngành theo hướng hiện đại, từng bước chuyển sang sản xuất hàng hoá và gắn với phát triển bền vững. Nông nghiệp Việt Nam đã giải quyết được một cách cơ bản vấn đề lương thực và xuất khẩu gạo đứng hàng thứ hai trên thế giới; góp phần quan trọng trong công cuộc xoá đói giảm nghèo, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên, quan tâm có hiệu quả hơn vấn đề bảo vệ môi trường...

Nông nghiệp và nông thôn Việt Nam đã có sự thay đổi to lớn, sâu sắc và đạt được những thành tựu quan trọng, đó là nhờ có đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, sự nỗ lực và sáng tạo của toàn ngành nông nghiệp, của hàng triệu hộ nông dân và sự đóng góp của hoạt động khoa học công nghệ nông nghiệp trong nghiên cứu, tiếp thu, truyền bá và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp.

Tuy vậy, xét về tổng thể, năng suất, chất lượng, hiệu quả nông nghiệp, khả năng cạnh tranh của hàng hoá nông sản còn thấp, đời sống của nông dân tuy được cải thiện nhưng vẫn gặp rất nhiều khó khăn. Việc ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất còn chậm; trình độ khoa học, công nghệ của sản xuất có mặt còn lạc hậu. Trong những năm tới, Đảng ta cho rằng khoa học, công nghệ là khâu đột phá quan trọng nhất để thúc đẩy phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

Để tạo ra nền nông nghiệp hàng hoá lớn và thực hiện từng bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, Đại hội IX của Đảng đã chỉ rõ, cần tập trung sức để tăng năng suất sản phẩm gắn với tăng năng suất lao động, tăng giá trị gia tăng trên một đơn vị diện tích canh tác; vừa tiếp tục bảo đảm an ninh lương thực quốc gia vừa đa dạng hoá và chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi để làm tăng giá trị thu được trên một hecta đất nông, lâm nghiệp, đáp ứng tốt các nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Cần điều chỉnh quy hoạch, hoàn thiện và nâng cấp hệ thống thuỷ lợi; chú trọng điện khí hoá, cơ giới hoá ở nông thôn, áp dụng nhanh các tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp, đặc biệt là về khâu giống và áp dụng công nghệ sinh học; nâng cao chất lượng nông sản, tiến dần tới một nền nông nghiệp an toàn theo tiêu chuẩn quốc tế. Xây dựng một số khu nông nghiệp có công nghệ cao để có sản phẩm chất lượng cao và cũng để làm mẫu nhân rộng ra đại trà. Phát huy lợi thế về thuỷ sản tạo thành ngành kinh tế mũi nhọn vươn lên hàng đầu trong khu vực. Bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng, nâng cao độ che phủ của rừng, nâng cao giá trị sản phẩm rừng...

Nhằm hệ thống, giới thiệu những thành tựu khoa học công nghệ nông nghiệp và phát triển nông

thôn trong 20 năm đổi mới và phương hướng nghiên cứu ứng dụng đến năm 2010, tầm nhìn 2020, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức biên soạn và xuất bản bộ sách: KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP, VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN 20 NĂM ĐỔI MỚI, gồm 7 tập:

Tập 1: Trồng trọt - Bảo vệ thực vật

Tập 2: Chăn nuôi - Thú y

Tập 3: Đất - Phân bón

Tập 4: Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

Tập 5: Lâm nghiệp

Tập 6: Thủy lợi

Tập 7: Kinh tế - Chính sách nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Nhà xuất bản xin giới thiệu **Tập 2: Chăn nuôi - Thú y** của bộ sách với bạn đọc.

Tháng 5 năm 2005

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- Một số kết quả nghiên cứu khoa học được áp dụng vào sản xuất ngành chăn nuôi <i>Nguyễn Đăng Vang</i>	11
- Kết quả nghiên cứu về chăn nuôi gia súc trong 20 năm qua và hướng phát triển, nghiên cứu trong thời gian tới <i>Nguyễn Văn Thiện</i>	18
- Báo cáo tổng hợp về kết quả nghiên cứu gia cầm ở Việt Nam trong 2 năm 2002-2003 <i>Hoàng Văn Tiệu</i>	23
- Các thành tựu nghiên cứu nổi bật của ngành dinh dưỡng và thức ăn gia súc trong 20 năm qua và định hướng nghiên cứu trong 10 năm tới <i>Lã Văn Kính, Đinh Văn Cải, Vũ Duy Giảng, Dương Thanh Liêm, Lưu Hữu Mãnh, Vũ Chí Cương, Trần Quốc Việt</i>	33
- Những kết quả nghiên cứu về lĩnh vực thú y trong giai đoạn 2001-2004 và định hướng nghiên cứu giai đoạn 2005-2010 <i>Lê Văn Tạo</i>	42
- Hiện trạng cơ cấu giống và công tác giống ở một số cơ sở chăn nuôi lợn phía nam <i>Đặng Thị Hạnh, Nguyễn Thị Viễn, Phan Bùi Ngọc Thảo, Trần Văn Tịnh, Nguyễn Thị Hiệp, Nguyễn Hữu Thao, Lê Việt Thế, Nguyễn Hồng Nguyên</i>	53
- Kết quả nghiên cứu khả năng sinh sản của lợn nái cụ kỵ L06, L11 và L95 tại Trại lợn giống hạt nhân Tam Điệp <i>Nguyễn Ngọc Phục, Nguyễn Văn Đông, Lê Thế Tuấn, Trịnh Hồng Nguyên</i>	65
- Kết quả nghiên cứu một số chỉ tiêu sinh trưởng, sinh sản của 2 dòng lợn ông bà C1050 và C1230 <i>Nguyễn Văn Đông, Nguyễn Ngọc Phục, Phạm Duy Phẩm, Lê Thanh Hải, Phạm Thị Kim Dung, Lê Thế Tuấn, Trịnh Hồng Sơn, Nguyễn Văn Ngạn</i>	74
- Phương pháp xác định tỷ lệ nạc thông qua dày mỡ lưng và khối lượng hơi của lợn Móng Cái, Landrace, Large White và một số tổ hợp Móng Cái lai <i>Nguyễn Văn Đức, Tạ Thị Bích Duyên, Giang Hồng Tuyền, Trần Thị Minh Hoàng, Lê Thanh Hải</i>	83
- Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn trong nông hộ nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường và nâng cao năng suất chăn nuôi <i>Phùng Thị Vân, Phạm Sỹ Tiếp, Nguyễn Văn Lục, Nguyễn Giang Phúc, Trịnh Quang Tuyền</i>	88
- Phân tích hiệu quả chăn nuôi bò sữa khu vực Nam Bộ <i>Đinh Công Tiến, Nguyễn Quốc Đạt, Nguyễn Thanh Bình</i>	102
- Nghiên cứu đánh giá chất lượng đàn bò giống Holstein Friesian nuôi tại cao nguyên Mộc Châu theo phương thức khoán hộ <i>Trần Công Chiến, Bùi Duy Minh, Phạm Hải Nam</i>	108

- Kết quả của chọn lọc qua đời trước và kiểm tra cá thể trong quá trình kiểm tra bò đực giống lai hướng sữa 3/4 HF và 7/8 HF 114
Nguyễn Văn Đức, Trần Trọng Thêm và các cộng tác viên
- Kết quả bước đầu nghiên cứu chọn lọc bò cái 3/4 và 7/8 HF hạt nhân lai với bò đực cao sản để tạo đàn bò lai hướng sữa đạt trên 4.000kg sữa/chu kỳ 122
Vũ Chí Cương, Vũ Văn Nội, Nguyễn Văn Niêm, Võ Văn Sự, Lê Trọng Lạp, Tăng Xuân Lưu, Nguyễn Quốc Đạt, Đoàn Trọng Tuấn, Lưu Công Khánh, Đặng Thị Dung, Phạm Thế Huệ, Nguyễn Xuân Trạch
- Nghiên cứu thụ tinh ống nghiệm ở bò 132
Nguyễn Văn Lý, Nguyễn Thị Thoa, Lưu Công Khánh, Phan Lê Sơn, Đặng Vũ Hoà, Chu Thị Yến, Hoàng Kim Giao, Đỗ Kim Tuyền
- Kết quả nghiên cứu xác định cấu trúc, đa hình của gen PIT1, gen GNRHR ở lợn và gen Prolactin ở bò 141
Lê Thị Thuý, Lưu Quang Minh, Trần Thu Thuý, Nguyễn Trọng Bình, Nguyễn Đăng Vang, Nông Văn Hải, Nguyễn Đăng Tôn
- Kết quả bước đầu đánh giá khả năng sản xuất của giống dê chuyên thịt Boer nhập về từ Mỹ nuôi tại Trung tâm nghiên cứu dê và thỏ Sơn Tây 150
Doãn Thị Gắng, Đinh Văn Bình, Chu Đình Khu, Phạm Trọng Bảo, Đỗ Thị Thanh Vân
- Kết quả chọn tạo ba dòng gà Lương Phượng LV1, LV2, LV3 158
Trần Công Xuân, Phùng Đức Tiến, Hoàng Văn Lộc, Bạch Thị Thanh Dân, Nguyễn Quý Khiêm, Lê Thu Hiền, Phạm Thị Minh Thu, Phạm Thuý Linh
- Nghiên cứu chọn tạo hai dòng gà thuần chủng HB5 và HB7 của giống gà chuyên thịt lông màu, bán chăn thả HB 2000 167
Đoàn Xuân Trúc, Đỗ Thị Tính, Hà Đức Tính, Nguyễn Xuân Bình, Bùi Văn Điệp, Trần Văn Tiến, Trần Văn Phượng, Nguyễn Huy Đạt, Trần Long
- Nghiên cứu chọn lọc tăng năng suất các dòng gà BT2 để có khả năng cạnh tranh với các giống gà thả vườn nhập nội 178
Đặng Thị Hạnh, Đồng Sỹ Hùng, Trần Văn Tịnh, Nguyễn Hữu Tĩnh, Nguyễn Thị Lệ Hằng, Nguyễn Thị Hiệp và cộng tác viên
- Nghiên cứu chọn tạo hai dòng gà ri cải tiến năng suất chất lượng cao phục vụ chăn nuôi nông hộ 190
Nguyễn Huy Đạt, Hồ Xuân Tùng, Nguyễn Thành Đông, Phạm Bích Hương
- Nghiên cứu khả năng sản xuất của tổ hợp lai 3/4 máu Lương Phượng và 1/4 máu Sasso X44 202
Phùng Đức Tiến, Đỗ Thị Sợi, Nguyễn Quý Khiêm, Lê Thị Thu Hiền, Hà Thị Len
- Nghiên cứu chọn lọc tạo hai dòng vịt cao sản SM tại Trung tâm nghiên cứu vịt Đại Xuyên 211
Hoàng Thị Lan, Hoàng Văn Tiệu, Nguyễn Đức Trọng, Võ Văn Sự, Doãn Văn Xuân, Nghiêm Thuý Ngọc, Võ Trọng Hót, Nguyễn Tùng Lâm
- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thụ tinh nhân tạo, để sản xuất con lai giữa ngan và vịt SM 222
Ngô Văn Vĩnh, Hoàng Thị Lan, Lê Thị Phiên, Phạm Văn Trượng, Nguyễn Đức Trọng, Nghiêm Thuý Ngọc
- Nghiên cứu khả năng sản xuất gan béo từ con ngan lai vịt và các dòng ngan Pháp (R51, R71, siêu nặng) nuôi ở điều kiện khí hậu mùa hè - miền Bắc - Việt Nam 230
Nguyễn Văn Hải, Nguyễn Xuân Khoái, Trần Quốc Khánh, Nguyễn Văn Lợi

- Kết quả nghiên cứu khả năng sản xuất của nagan Pháp R71 239
Phùng Đức Tiến, Trần Công Xuân, Dương Thị Anh Đào, Hoàng Văn Tiệu, Vũ Thị Thảo, Trần Thị Cương, Nguyễn Mạnh Hùng, Phạm Nguyệt Hằng, Trần Văn Hùng
- Nghiên cứu khả năng sản xuất của bốn dòng đà điều và một số công thức lai nuôi thịt 248
Phùng Đức Tiến, Hoàng Văn Lộc, Trần Công Xuân, Nguyễn Khắc Thịnh, Đặng Quang Huy, Nguyễn Đức Toàn, Nguyễn Thị Hoà
- Nghiên cứu thử nghiệm phương pháp tạo dòng thuần trong chăn nuôi chim cút 257
Nguyễn Quế Côi, Phạm Văn Giới
- Xây dựng mô hình ấp trứng gia cầm và nuôi gia cầm bố mẹ phù hợp với điều kiện ở Việt Nam 267
Nguyễn Đức Trọng, Hoàng Thị Lan, Nguyễn Hồng Vĩ, Hồ Khắc Oánh, Lê Thị Phiên, Nguyễn Thị Minh, Hoàng Văn Tiệu và cộng tác viên
- Nghiên cứu các biện pháp khoa học công nghệ khai thác và sử dụng nguyên liệu thức ăn cho một nền chăn nuôi chất lượng và hiệu quả cao 276
Lã Văn Kính, Vũ Duy Giảng, Trần Quốc Việt, Bùi Đức Lũng, Lê Đức Ngoan, Lưu Văn Mạnh, Huỳnh Thanh Hoài và cộng tác viên
- Thực trạng dinh dưỡng khoáng trong chăn nuôi lợn và gia cầm trong điều kiện chăn nuôi trang trại và hộ nông dân ở một số tỉnh Đồng bằng sông Hồng hiện nay 286
Trần Quốc Việt, Ninh Thị Len, Hoàng Hương Giang, Đào Đức Kiên
- Nghiên cứu điều chế một số phức nội (Chelate) dùng trong thức ăn chăn nuôi 294
Trịnh Vinh Hiến, Hồ Công Xinh
- Nghiên cứu sử dụng hỗn hợp muối - khoáng kl-01 để ổn định pH dạ cỏ nhằm phòng chống bệnh sát nhau và bại liệt ở bò sữa 302
Tăng Xuân Lưu, Naotoshi Kurosaki
- Xác định tiềm năng, vị trí phân bố và thành phần hoá học, khả năng hấp phụ, dung lượng trao đổi cation của bentonit, zeolit tự nhiên ở Việt Nam 313
Trần Quốc Việt, Trịnh Vinh Hiến, Đào Đức Kiên
- Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn lactic có hoạt tính sinh học cao dùng trong lên men phụ phẩm tôm làm thức ăn chăn nuôi 324
Lê Văn Liễu, Phạm Văn Ty, Nguyễn Thuỳ Châu
- Nghiên cứu áp dụng tiêu chuẩn ăn theo hệ thống đánh giá giá trị dinh dưỡng thức ăn PDI/UFL trong chăn nuôi bò sữa tại Hà Nội và Tuyên Quang 330
Vũ Chí Cương, Hoài Thị Thuý, Phạm Hùng Cường, Nguyễn Xuân Trạch
- Kết quả ước tính tỷ lệ tiêu hoá và giá trị năng lượng của một số loại thức ăn dùng cho bò từ lượng khí sinh ra khi lên men in vitro gas production và thành phần hoá học 339
Vũ Chí Cương, Phạm Kim Cương, Phạm Hùng Cường, Lưu Thị Thi
- Kết quả ứng dụng mô hình thâm canh, xen canh cỏ hoà thảo, cỏ đậu trong hệ thống canh tác phục vụ chăn nuôi bò thịt trong nông hộ ở tỉnh Thái Nguyên 347
Nguyễn Thị Mùi, Nguyễn Văn Lợi, Đặng Đình Hanh, Lê Hoà Bình
- Nghiên cứu bổ sung lá khoai mỳ (sắn) khô vào khẩu phần ăn của bò sữa với nền thức ăn thô chủ yếu là rơm 354
Đoàn Đức Vũ, Phạm Mạnh Hưng, Phùng Thị Lâm Dung, Phan Việt Thành
- Thành phần hoá học và giá trị dinh dưỡng của một số loại thức ăn cho trâu bò khu vực miền Đông Nam Bộ 363
Đinh Văn Cải, Phùng Thị Lâm Dung
- Xác định tỷ lệ tiêu hoá hồi tràng của một số nguyên liệu thức ăn trên gà được cắt bỏ manh tràng 372
Lã Văn Kính, Huỳnh Thanh Hoài

- Nghiên cứu cân bằng dinh dưỡng, áp dụng men sinh học và hỗn hợp axit hữu cơ nhằm tăng hiệu quả sử dụng thức ăn, giảm chất thải ra môi trường trong chăn nuôi lợn 382
Đỗ Văn Quang, Nguyễn Văn Hùng
- Nghiên cứu mức protein, năng lượng thích hợp nuôi đầ điều sinh sản và lấy thịt 388
Trần Công Xuân, Phùng Đức Tiến, Hoàng Văn Lộc, Nguyễn Khắc Thịnh, Bạch Mạnh Điều, Đặng Quang Huy, Nguyễn Đức Toàn, Nguyễn Thị Hoà
- Nghiên cứu việc tiêm phòng sớm vắc xin dịch tả lợn cho lợn con 397
Nguyễn Tiến Dũng, Hồ Thu Hương, Kenjiro Inui, Bùi Nghĩa Vương, Nguyễn Thế Vinh, Bùi Ngọc Anh
- Phân bố hàm lượng kháng thể kháng bệnh dịch tả lợn tại cơ sở chăn nuôi 404
Nguyễn Tiến Dũng, Hồ Thu Hương, Nguyễn Thế Vinh, Bùi Nghĩa Vương
- Phân tích di truyền vi rút dịch tả lợn phân lập ở Việt Nam 412
Nguyễn Thế Vinh, Ken Inui, Hồ Thu Hương, Nguyễn Tiến Dũng
- Kết quả xác định nguyên nhân gây bệnh đường hô hấp của lợn nuôi tại một số tỉnh khu vực phía bắc 416
Cù Hữu Phú, Nguyễn Ngọc Nhiên, Nguyễn Thu Hằng, Âu Xuân Tuấn, Nguyễn Bích Thuỷ, Vũ Ngọc Quý, Phạm Bảo Ngọc
- Đặc tính kháng nguyên và vai trò gây bệnh của vi khuẩn Enterotoxigenic Escherichia coli gây bệnh tiêu chảy lợn con ở một số tỉnh miền Bắc Việt Nam 428
Đỗ Ngọc Thuý, Cù Hữu Phú, Darren Trott, Ian Wilkie
- Nghiên cứu và phòng trị các bệnh ký sinh trùng phổ biến gây thiệt hại ở bê nuôi tại một số tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên 442
Nguyễn Đức Tân, Lê Đức Quyết, Nguyễn Thị Sâm, Lê Hứa Ngọc Lục, Tô Hồng Kim Hoa
- Kết quả bước đầu về chế tạo kháng thể đa dòng đặc hiệu loài gấn với men peroxidase 449
Tô Long Thành, Trương Văn Dung, Yoshihito Kashiwazaki, Lê Trần Phan, Hoàng Xuân Nghinh
- Tách dòng và giải trình tự đoạn gen mã hoá cho serotype O của virút gây bệnh lở mồm long móng thu thập tại tỉnh Quảng Trị - Việt Nam 456
Lê Văn Phan, Tô Long Thành, Trần Thị Thanh Hà, Trương Văn Dung, Đinh Duy Kháng, Dương Hồng Quân
- Tình trạng ô nhiễm E.coli và Salmonella trong thực phẩm có nguồn gốc động vật trên địa bàn Hà Nội và kết quả phân lập vi khuẩn 463
Trần Thị Hạnh, Lưu Quỳnh Hương
- Nghiên cứu ảnh hưởng của chế phẩm EM-Bokashi đến hệ vi sinh vật đường tiêu hoá, chất thải và một số các chỉ tiêu vệ sinh môi trường chăn nuôi gà 474
Đậu Ngọc Hà, Lê Văn Tạo, Bùi Thị Phương Hoà, Nguyễn Thị Thuý Duyên, Kiều Thị Dung,